

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ,  
công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KON TUM  
KHÓA XI KỲ HỌP THỨ 7**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Khoản 5 Điều 8 Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;*

*Xét Tờ trình số 136/TTr-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

2. Đối tượng áp dụng: Cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Kon Tum (không bao gồm cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị Trung ương đóng chân trên địa bàn tỉnh Kon Tum) được quy định tại Điều 1 Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

## **Điều 2. Mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và nguồn kinh phí thực hiện**

### **1. Mức chi đào tạo cán bộ, công chức trong nước**

a) Chi phí dịch vụ đào tạo và các khoản chi phí bắt buộc phải trả cho các cơ sở đào tạo: Theo hoá đơn của cơ sở đào tạo nơi cán bộ, công chức được cử đi đào tạo hoặc theo hợp đồng do cấp có thẩm quyền ký kết.

b) Chi hỗ trợ kinh phí mua tài liệu học tập bắt buộc: Căn cứ khả năng ngân sách được giao, căn cứ vào chứng từ, hóa đơn hợp pháp, thủ trưởng cơ quan đơn vị trực tiếp quản lý cán bộ, công chức quyết định mức chi hỗ trợ kinh phí mua tài liệu học tập bắt buộc cho đối tượng được cử đi đào tạo.

c) Chi hỗ trợ một phần tiền ăn trong thời gian đi học tập trung:

- Cán bộ, công chức có hưởng lương 70.000 đồng/người/ngày.

- Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, làng, tổ dân phố ở phường, thị trấn: 100.000 đồng/người/ngày.

đ) Chi hỗ trợ chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập (một lượt đi và về; nghỉ lễ; nghỉ tết): Hỗ trợ tiền vé đi, về theo giá vé dịch vụ vận tải ô tô chở khách thông thường.

đ) Chi thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ trong những ngày đi học tập trung tại cơ sở đào tạo (cơ sở đào tạo và đơn vị tổ chức đào tạo phải xác nhận không bố trí được chỗ nghỉ):

- Mức hỗ trợ theo ngày: Trong tỉnh 200.000 đồng/người/ngày; ngoài tỉnh 250.000 đồng/người/ngày.

- Mức hỗ trợ theo tháng: Trong tỉnh 3.000.000 đồng/người/tháng; ngoài tỉnh 4.000.000 đồng/người/tháng.

- Trường hợp lớp đào tạo có thời gian học tập trung mỗi đợt học dưới 01 (một) tháng, mức hỗ trợ tính theo ngày nhưng tối đa không vượt quá mức hỗ trợ 01 (một) tháng.

- Trường hợp lớp đào tạo có thời gian học tập trung mỗi đợt học trên 01 (một) tháng, từ tháng thứ hai trở đi số ngày học không đủ tròn tháng, mức hỗ trợ tính theo ngày nhưng tối đa không vượt quá mức hỗ trợ 01 (một) tháng.

e) Chi hỗ trợ cán bộ, công chức là nữ, là người dân tộc thiểu số theo quy định của pháp luật về bình đẳng giới và công tác dân tộc:

- Mức hỗ trợ theo ngày: Đối với cán bộ, công chức là nữ 20.000 đồng/người/ngày; đối với cán bộ, công chức là nữ người dân tộc thiểu số 30.000 đồng/người/ngày.

- Mức hỗ trợ theo tháng: Đối với cán bộ, công chức là nữ: 200.000 đồng/người/tháng; đối với cán bộ, công chức là nữ người dân tộc thiểu số: 300.000 đồng/người/tháng.

- Trường hợp lớp đào tạo có thời gian học tập trung mỗi đợt học dưới 01 (một) tháng, mức hỗ trợ tính theo ngày nhưng tối đa không vượt quá mức hỗ trợ 01 (một) tháng.

- Trường hợp lớp đào tạo có thời gian học tập trung mỗi đợt học trên 01 (một) tháng, từ tháng thứ hai trở đi số ngày học không đủ tròn tháng, mức hỗ trợ tính theo ngày nhưng tối đa không vượt quá mức hỗ trợ 01 (một) tháng.

## 2. Mức chi bồi dưỡng cán bộ, công chức trong nước

a) Chi thù lao giảng viên, báo cáo viên (một buổi giảng được tính bằng 4 tiết học).

Tùy theo đối tượng, trình độ học viên mà các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức quyết định mức chi thù lao cho giảng viên, báo cáo viên trong nước (bao gồm cả thù lao soạn giáo án bài giảng) trên cơ sở thỏa thuận theo hình thức hợp đồng công việc phù hợp với chất lượng, trình độ của giảng viên, báo cáo viên trong phạm vi dự toán được giao theo quy định sau:

- Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Bí thư Tỉnh ủy và các chức danh tương đương: Mức chi thù lao 2.000.000 đồng/người/buổi.

- Giảng viên, báo cáo viên là Thứ trưởng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các chức danh tương đương; Giáo sư, Chuyên gia cao cấp, Giảng viên cao cấp, Tiến sỹ khoa học: Mức chi thù lao 1.800.000 đồng/người/buổi.

- Giảng viên, báo cáo viên là Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Vụ trưởng và Phó Vụ trưởng thuộc Bộ, Viện trưởng và Phó Viện trưởng thuộc Bộ, Cục trưởng, Phó Cục trưởng và các chức danh tương đương; Phó Giáo sư, Tiến sỹ, Giảng viên chính: Mức chi thù lao 1.500.000 đồng/người/buổi.

- Giảng viên, báo cáo viên còn lại là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các cơ quan, đơn vị ở Trung ương và cấp tỉnh (ngoài 3 đối tượng nêu trên): Mức chi thù lao 800.000 đồng/người/buổi.

- Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các đơn vị từ cấp huyện và tương đương trở xuống: Mức chi thù lao 600.000 đồng/người/buổi.

- Giảng viên nước ngoài: Tùy theo mức độ cần thiết các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng quyết định việc mời giảng viên nước ngoài. Mức thù lao đối với giảng viên nước ngoài do cơ sở đào tạo, bồi dưỡng quyết định trên cơ sở thỏa thuận

tuỳ theo chất lượng giảng viên và bảo đảm phù hợp với khả năng nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng của đơn vị.

- Giảng viên chuyên nghiệp làm nhiệm vụ giảng dạy trong các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, thì số giờ giảng vượt định mức được thanh toán theo quy định hiện hành về chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập theo quy định tại Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08 tháng 3 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập. Trường hợp các giảng viên này được mời tham gia giảng dạy tại các lớp học do các cơ sở đào tạo khác tổ chức thì vẫn được hưởng chế độ thù lao giảng viên theo mức chi trả thù lao quy định nêu trên.

b) Phụ cấp tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ cho giảng viên, chi dịch thuật: Mức chi theo Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị, chế độ đón tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

c) Chi phí thanh toán tiền phương tiện đi lại cho giảng viên (nếu có): Thanh toán theo thực tế phát sinh.

d) Chi nước uống phục vụ lớp học: 20.000 đồng/người/ngày.

đ) Chi ra đề thi, coi thi, chấm thi: Thực hiện theo Quyết định số 24/2013/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về quy định nội dung, mức chi trong tổ chức các kỳ thi và bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

e) Chi khen thưởng cho học viên đạt loại giỏi, loại xuất sắc: 200.000 đồng/học viên/khóa bồi dưỡng.

g) Chi hỗ trợ một phần tiền ăn trong thời gian đi học tập trung: Thực hiện theo điểm c khoản 1 Điều này.

h) Chi hỗ trợ chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập (một lượt đi và về; nghỉ lễ; nghỉ tết): Thực hiện theo điểm d khoản 1 Điều này.

i) Chi thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ cho học viên trong những ngày đi học tập trung tại cơ sở bồi dưỡng (trong trường hợp cơ sở bồi dưỡng và đơn vị tổ chức bồi dưỡng xác nhận không bố trí được chỗ nghỉ): Thực hiện theo điểm đ khoản 1 Điều này.

k) Chi hỗ trợ cán bộ, công chức là nữ, là người dân tộc thiểu số theo quy định của pháp luật về bình đẳng giới và công tác dân tộc: Thực hiện theo điểm e khoản 1 Điều này.

l) Các khoản chi phí theo thực tế phục vụ trực tiếp lớp học: Chi thuê hội trường, phòng học; thuê thiết bị, dụng cụ phục vụ giảng dạy (đèn chiếu, máy vi tính, thiết bị khác...); chi mua, in ấn giáo trình, tài liệu trực tiếp phục vụ lớp học

(không bao gồm tài liệu tham khảo); chi in và cấp chứng chỉ; chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên; Chi phí theo thực tế, thanh toán có chứng từ, hóa đơn theo quy định.

m) Chi phí tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế:

- Chi trả tiền phương tiện đưa, đón học viên đi khảo sát, thực tế: Theo hợp đồng, chứng từ chi thực tế hợp pháp, hợp lệ.

- Hỗ trợ một phần tiền ăn, tiền nghỉ cho học viên trong những ngày đi thực tế:

+ Mức hỗ trợ tiền ăn 70.000 đồng/người/ngày cho cán bộ, công chức; Mức 100.000 đồng/người/ngày cho những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, làng, tổ dân phố ở phường, thị trấn.

+ Mức hỗ trợ tiền thuê chỗ nghỉ: Trong tỉnh 200.000 đồng/người/ngày; Ngoài tỉnh 250.000 đồng/người/ngày.

n) Chi biên soạn chương trình, tài liệu bồi dưỡng mới; chi chỉnh sửa, bổ sung cập nhật chương trình, tài liệu bồi dưỡng: Thực hiện theo Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

o) Chi hoạt động quản lý trực tiếp các lớp bồi dưỡng cán bộ, công chức của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng hoặc các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ mở lớp đào tạo, bồi dưỡng: Mức trích tối đa không quá 10% trên tổng kinh phí của mỗi lớp học.

p) Chi điều tra, khảo sát xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng: Thực hiện theo Nghị quyết số 19/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum quy định nội dung, mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương đảm bảo trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

### 3. Mức chi đào tạo, bồi dưỡng viên chức

Căn cứ mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức quy định nêu trên thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định mức chi đào tạo, bồi dưỡng viên chức đảm bảo theo quy định của pháp luật về cơ chế tài chính của đơn vị mình. Riêng chi hỗ trợ đối với viên chức là nữ, viên chức nữ người dân tộc thiểu số theo quy định của pháp luật về bình đẳng giới và công tác dân tộc, mức hỗ trợ thực hiện bằng mức chi đối với cán bộ công chức nữ, cán bộ công chức nữ người dân tộc thiểu số.

### 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ, ngân sách địa phương theo phân cấp, kinh phí chi thường xuyên hàng năm của các cơ quan, đơn vị, nguồn thu phí được để lại theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí, nguồn thu từ hoạt

động sự nghiệp, dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công lập, và nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.
3. Trong quá trình thực hiện nếu các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Khóa XI Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 23 tháng 12 năm 2018./.

Nơi nhận: 

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu quốc hội;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản QPPL);
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Thường trực HĐND-UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Kon Tum;
- Đài PTTH tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐ.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Hùng**